

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0672004 - Auto CAD căn bản
Lớp :

STC : 3(45,0,0,0,0,0) Lần thi : 1
Năm học : 2013-2014 Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Đào Thanh	Phong	3574011083	11/04/1993	,00			
2	Trần Mạnh	Hùng	3574011379	18/10/1993	,00			
3	Phạm Văn	Bắc	3574011685	17/04/1993	,00			Nợ HP
4	Trương Hữu	Thiện	3672050413	13/09/1993	7,00	2,50	3,90	
5	Nguyễn Đình	Minh	3672050429	02/02/1992	6,30	8,00	7,50	
6	Huỳnh Trọng	Thắng	3672050433	24/08/1994	10,00	10,00	10,00	
7	Mai Ngọc	Son	3672050438	06/02/1994	4,00	3,50	3,70	
8	Hồ Minh	Phương	3672050443	02/09/1994	10,00	9,30	9,50	
9	Phạm Duy	Huy	3672050448	25/08/1994	9,50	8,90	9,10	
10	Phạm Ngọc	Vũ	3672050460	09/01/1994	10,00	8,00	8,60	
11	Nguyễn Văn	Trung	3672050476	05/06/1994	10,00	9,10	9,40	
12	Phùng Vương	Nghĩa	3672050494	08/09/1994	9,00	5,50	6,60	
13	Đinh Trọng	Lượng	3672050504	20/07/1994	6,30	9,00	8,20	
14	Nguyễn Đình	Duy	3672050548	01/01/1993	8,30	5,80	6,60	
15	Nguyễn Văn	Thịnh	3672050555	14/02/1994	9,40	5,80	6,90	Nợ HP
16	Nguyễn Hữu	Lợi	3672050565	21/03/1994	8,30	8,70	8,60	
17	Lê Minh	Thiện	3672050579	10/05/1993	8,70	5,50	6,50	
18	Đỗ Văn	Chung	3672050644	20/08/1994	,00			
19	Võ Lữ Thanh	Phong	3672050649	14/12/1992	5,90	5,00	5,30	
20	Nguyễn Tấn	Tài	3672050651	07/12/1994	9,00	7,60	8,00	
21	Lê Văn	Hậu	3672050691	23/07/1994	9,10	7,00	7,60	
22	Lê Công	Tòan	3672050723	15/01/1994	,00			
23	Vũ Ngọc	Duy	3672050724	12/01/1994	,00			
24	Lê Thanh	Phong	3672050775	22/07/1994	10,00	9,50	9,70	
25	Phan Thanh	Long	3672050800	25/05/1994	10,00	9,10	9,40	
26	Võ Văn	Hiền	3672050808	20/06/1994	10,00	10,00	10,00	
27	Nguyễn Ngọc	Anh	3672050856	20/12/1994	5,40	5,50	5,50	
28	Lý Thái	Hưng	3672050886	27/07/1994	10,00	8,30	8,80	
29	Nguyễn Đình	Tuân	3672050891	23/09/1993	7,70	7,40	7,50	
30	Võ Văn	Kiệt	3672050917	20/06/1994	8,90	8,60	8,70	
31	Hạ Quang	Đức	3672050926	24/10/1993	6,80	8,30	7,90	
32	Đặng Trần Thị Y	Linh	3672050943	01/11/1994	8,80	,00	2,60	
33	Dương Cao	Quý	3672050956	30/07/1994	7,10	,00	2,10	
34	Tô Tiến	Tài	3672050957	08/10/1994	10,00	9,10	9,40	
35	Trần Bá	Thịnh	3672050962	09/03/1994	6,30	5,90	6,00	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Võ Văn	Tuấn	3672050974	01/06/1993	7,60	5,20	5,90	Nợ HP
37	Phạm Quốc	Pháp	3672051056	30/03/1992	,00			Nợ HP
38	Phạm Văn	Trung	3672051082	16/10/1993	,00			
39	Lê Quốc	Khải	3672051097	01/09/1994	7,30	6,60	6,80	
40	Ngô Việt	Đức	3672051098	14/11/1994	9,50	,00	2,90	
41	Võ Minh	Phụng	3672051203	15/03/1994	10,00	,00	3,00	
42	Huỳnh Đại	Nhân	3672051238	08/04/1994	9,20	7,80	8,20	
43	Trần Quốc	Toàn	3672051271	08/02/1994	10,00	7,90	8,50	
44	Huỳnh Nguyễn Trọng	Toàn	3672051303	21/01/1994	10,00	8,00	8,60	
45	Nguyễn Minh	Lực	3672051474	12/12/1994	6,70	8,00	7,60	
46	Đặng Văn	Thiện	3672051480	20/10/1993	8,70	5,70	6,60	
47	Lương Lý	Huỳnh	3672051481	02/01/1994	10,00	10,00	10,00	
48	Trần Quốc	Tài	3672051529	08/11/1994	10,00	10,00	10,00	
49	Trần Thanh	Quyết	3672051530	29/06/1993	8,40	6,50	7,10	Nợ HP
50	Bùi Công	Tuấn	3672051573	05/09/1994	10,00	10,00	10,00	
51	Lê Đặng Hoài	Phương	3672051600	16/08/1994	9,80	6,50	7,50	
52	Phạm Nhật	Thảo	3672051610	20/10/1994	7,80	6,40	6,80	
53	Nguyễn Văn	Hòa	3672051629	20/04/1994	10,00	9,30	9,50	
54	Bùi Thanh	Tri	3672051658	15/03/1993	10,00	9,40	9,60	
55	Trần Thanh	Đạt	3672051664	13/07/1994	8,80	6,80	7,40	
56	Trần Bình	Trọng	3672051854	15/05/1994	6,50	4,30	5,00	
57	Đoàn Văn	Thành	3672051868	05/08/1993	10,00	9,40	9,60	
58	Võ Như Trọng	Huấn	3672051887	25/02/1994	9,30	9,70	9,60	
59	Nguyễn Quang	Vinh	3672051894	01/09/1994	,00			Nợ HP
60	Nguyễn Văn	Thuận	3672051961	14/03/1993	7,40	7,40	7,40	
61	Trương Đăng	Triều	3672051973	29/09/1994	9,30	8,80	9,00	
62	Hoàng Duy	Tân	3672052001	18/01/1994	,00			
63	Nguyễn Bảo	Linh	3672052002	14/02/1994	,00			
64	Nguyễn Thành	Luân	3672052028	05/11/1994	10,00	9,80	9,90	
65	Trần	Phương	3672052038	09/04/1993	8,80	8,50	8,60	

Tổng số : **SV**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 02 năm 2014

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)